

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2012/QĐ-UBND

*Lạng sơn, ngày 20 tháng 01 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-STNMT ngày 12 tháng 01 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Lạng Sơn.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Vy Văn Thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2012/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước về tài nguyên và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Nguyên tắc phân công, phân cấp trong thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Quy định trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình tại tỉnh Lạng Sơn, nhằm phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được kiểm tra, đánh giá, chuyển sang dạng số, xử lý và lưu trữ theo quy định. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai gồm:

a) Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai và bản đồ phân hạng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; số liệu điều tra về giá đất;

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Bản đồ địa chính; kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;

d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan;

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Thống kê trữ lượng khoáng sản;

b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản;

c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;

đ) Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt, độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

e) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý Nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;

g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường gồm:

a) Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường;

b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;

c) Dữ liệu, thông tin về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

d) Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

đ) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

e) Các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;

g) Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường;

h) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi;

i) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô zôn;

b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;

d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;

b) Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ;

c) Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ biên giới quốc gia, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác;

d) Hệ thống thông tin địa lý;

đ) Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các điểm a, b, c, d Khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác;

e) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ.

7. Kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

8. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

9. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

10. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD ... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

Chương II**THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU
VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG****Điều 5: Trách nhiệm thu thập, quản lý dữ liệu****1. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

a) Là cơ quan quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập, tiếp nhận, xử lý, số hoá, quản lý, cung cấp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh trước ngày 15 tháng 10 hàng năm và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường; biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

d) Hàng năm kiểm tra và báo cáo định kỳ công tác thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tại các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố phải có kế hoạch thực hiện số hoá những dữ liệu chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng.

Điều 6. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì trình phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, theo quy định tại

các Điều 11, 12, 13, 14, 15 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Nguyên tắc, nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm, kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sau khi thu thập, tiếp nhận phải tiến hành kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường huyện.

Điều 8. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu

Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện bảo đảm, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giao nhận dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy chế này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để xây dựng, thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy chế này.

3. Dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định thuộc loại quản lý lưu trữ ở tỉnh thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện giao nộp cho đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường phân công quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường chậm nhất không quá 06 tháng kể từ khi hồ sơ được phê duyệt và hoàn thiện. Trường hợp quá 06 tháng nhưng chưa bàn giao dữ liệu tài nguyên và môi trường vào lưu trữ thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Quy định về cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu:

a) Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp cho các tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu, thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định; ký kết hợp đồng dịch vụ thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 26, 27 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

c) Cung cấp, khai thác sử dụng dữ liệu trên mạng internet chỉ được thực hiện khi điều kiện phù hợp với khả năng điều kiện công nghệ thông tin trực tuyến theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

2. Hình thức cung cấp dữ liệu:

a) Gửi dữ liệu trực tiếp qua mạng thông tin điện tử, gửi dữ liệu bằng văn bản, vật mẫu (qua đường văn bản hành chính, qua đường bưu điện);

b) Dữ liệu số, trên đĩa CD, DVD, băng từ... phải ghi rõ tên nội dung dữ liệu cơ quan cung cấp.

3. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Việc cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo đúng quy định, yêu cầu;

b) Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo các kỳ: 6 tháng (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6); một năm (lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12).

4. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

Điều 11. Thẩm quyền cho phép cung cấp dữ liệu

1. Việc cung cấp thông tin, tài liệu bí mật nhà nước thuộc danh mục dữ liệu ngành tài nguyên môi trường phải tuân theo nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Pháp lệnh bảo vệ Bí mật Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng tài liệu theo đúng quy định của Nhà nước ngoài các tài liệu đã quy định ở khoản 1 Điều này.

Điều 12. Phối hợp, chia sẻ dữ liệu

1. Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường với các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Điều 28 của Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Nội dung phối hợp, chia sẻ dữ liệu:

a) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên thông báo, trao đổi nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả; đảm bảo việc thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các Sở, ngành quản lý dữ liệu và Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các tổ chức, cá nhân.

Điều 13. Kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

Chương IV

LƯU TRỮ, BẢO QUẢN, BẢO ĐẢM AN TOÀN DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu

1. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá dữ liệu để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường, tiêu huỷ tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

Điều 15. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

1. Việc bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu;

b) Có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường bao gồm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng;

c) Xây dựng danh mục cụ thể các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước; mức độ bảo mật và phương án bảo vệ các dữ liệu.

d) Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử;

đ) Định kỳ mỗi năm 1 (một) lần sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 6 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 9 của quy chế này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vy Văn Thành